

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2017/HSST
Ngày: 28/9/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Viết Hòa**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Tạ Văn Khách**

Ông Lê Trọng Tính

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Ông Bùi Quang Thế** - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 52/2017/HSST ngày 25 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn T, sinh năm 1970; HKTT: Thôn H, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 11/12; con ông Nguyễn B – SN: 1937 (đã chết) và bà Nguyễn Thị C – SN: 1938; có vợ là Ung Thị N – SN: 1968 và 01 người con sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2017. Đến ngày 15/6/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại. Bị cáo “có mặt”

2. Họ và tên: Nguyễn Thanh X – (tên khác: X Xù), sinh năm: 1975; HKTT: Thôn P, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; con ông Nguyễn Ngọc D – SN: 1941 và bà Nguyễn Thị L – SN: 1942; có vợ là Đàm Thị H – SN: 1975 và 02 người con lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2017. Đến ngày 15/6/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại. Bị cáo “có mặt”.

Về nhân thân: Bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 10 (Mười) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ, theo Bản án số 72/2013/HSST

ngày 17/5/2013, về tội “Đánh bạc”. Bị cáo chấp hành xong bản án vào ngày 15/3/2016.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn D– (tên khác: D đất), sinh năm: 1987 tại Bạc Liêu; HKTT: Thôn B, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; con ông Nguyễn Đình H – SN: 1939 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L – SN: 1947; có vợ là Trương Thanh H – SN: 1994 và 02 người con lớn nhất sinh năm 2013 nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2017. Đến ngày 15/6/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại. Bị cáo “có mặt”.

4. Họ và tên: Phạm Minh T– (tên khác: M Đoàn), sinh năm: 1989; HKTT: Thôn B, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; con ông Phạm Minh H – SN: 1963 và bà Nguyễn Thị H– SN: 1966; có vợ là Đặng Thị Thu T – SN: 1991 và 02 người con lớn nhất sinh năm 2010 nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2017. Đến ngày 15/6/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại. Bị cáo “có mặt”.

5. Họ và tên: Nguyễn Chí T– (tên khác: T Taxi), sinh năm: 1983; HKTT: Thôn B, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Tài xế; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 4/12; con ông Nguyễn Đ – không rõ năm sinh (đã chết) và bà Nguyễn Thị T– SN: 1936; có vợ là Nguyễn Thị Đ – SN: 1982 (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2017. Đến ngày 16/6/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại. Bị cáo “có mặt”.

6. Họ và tên: Huỳnh Ngọc Đ, sinh năm: 1978; HKTT: Thôn B, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; con ông Huỳnh Văn T – SN: 1955 và bà Lương Thị H– SN: 1953; có vợ là Hồ Thị Như T– SN: 1977 và 02 người con lớn nhất sinh năm 2003 nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2017. Đến ngày 18/5/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại. Bị cáo “có mặt”.

7. Họ và tên: Phạm Thái D, sinh năm: 1984; HKTT: Thôn H, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; con ông Phạm C – SN: 1954 và bà Nguyễn Thị G– SN: 1954; có vợ là Ngô Thị Thùy D – SN: 1983 và 02 người con lớn nhất sinh năm 2007 nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2017 đến ngày 01/9/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại. Bị cáo “có mặt”.

8. Họ và tên: Nguyễn Trọng T– (tên khác: T cô đơn), sinh năm: 1979; HKTT: Thôn P, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 11/12; con ông Nguyễn Trung K – không rõ năm sinh (đã chết) và bà Trương Thị H– SN: 1959; có vợ là Trần Thị Ánh T – SN: 1983 và 02 người con lớn nhất sinh năm 2002 nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền

án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2017. Đến ngày 07/9/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại. Bị cáo “có mặt”.

9. Họ và tên: **Huỳnh Tấn H**, sinh năm: 1984; HKTT: Thôn B, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; con ông Nguyễn Văn S – (bỏ đi đâu không rõ) và bà Huỳnh Thị M– SN: 1949; có vợ là Huỳnh Thị Tố N – SN: 1949 – SN: 1949 và 03 người con lớn nhất sinh năm 2000 nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2017. Đến ngày 08/8/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại. Bị cáo “có mặt”.

10. Họ và tên: **Nguyễn Tấn T**, sinh năm: 1976; HKTT: Thôn H, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; con ông Nguyễn Tấn P – không rõ năm sinh (đã chết) và bà Nguyễn Thị V– SN: 1945; có vợ là Nguyễn Thị H – SN: 1980 và 03 người con lớn nhất sinh năm 2004 nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2017. Đến ngày 08/8/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại. Bị cáo “có mặt”.

Về nhân thân: Bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 5.000.000 đồng, theo Bản án số 85/2012/HSST ngày 13/8/2012, về tội “Đánh bạc”. Bị cáo chấp hành xong bản án vào ngày 08/01/2013.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Nguyễn Thị L, sinh năm: 1947

2/ Phạm Minh H, sinh năm: 1963

3/ Hồ Thị Như T, sinh năm: 1977

4/ Huỳnh Thị Tố N, sinh năm: 1989

Cùng Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện P, Bình Phước

5/ Trương Thị H, sinh năm: 1959

Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện P, Bình Phước

6/ Ngô Thùy D, sinh năm: 1983

7/ Nguyễn Thị T, sinh năm: 1985

8/ Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1957

Cùng Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện P, Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 29/3/2017, Nguyễn T cùng Nguyễn Chí T, Huỳnh Tấn H, Nguyễn Trọng T, Phạm Minh T và Nguyễn Tấn T đến quán cà phê “ĐQ” thuộc thôn H, xã B, huyện P do bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1957 tại thôn H, xã B, huyện P làm chủ để uống nước. Tại đây, Nguyễn T khởi xướng đánh bài thắng thua bằng tiền thì tất cả đồng ý. Lúc này, Huỳnh Ngọc Đ vừa đến nên Nguyễn T

đưa cho Đ 8.000 đồng đi mua 01 bộ bài tây. Sau khi có bài tất cả cùng đánh bạc bằng hình thức chơi “bài cào” cái thắng thua bằng tiền.

Mỗi ván bài người chơi phải đặt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng. Lúc đầu, khi đánh bạc thì Nguyễn T làm cái, sau đó, thay phiên nhau làm cái. Trong lúc đang đánh bạc thì Đ có đặt chung với Chí T số tiền 50.000 đồng (ván này H cầm cái) thì Đ bị thua, H thắng số tiền của Đ sau đó H cho lại Đ số tiền bị thua và không cho Đ chơi nữa. Một lúc sau có Phạm Thái D, Nguyễn Thanh X và Nguyễn Văn D đến và tham gia đánh chung (trong đó D, X và D đặt tiền chung với Trọng T), chơi được một lúc thì D và Trọng T có việc nên đi về trước thì có X vào thay chỗ của Trọng T.

Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị Công an huyện Phú Riềng bắt quả tang. Riêng Nguyễn T, Huỳnh Tấn H và Nguyễn Tấn T bỏ chạy thoát.

Tang vật thu giữ:

- Thu giữ tại chiếu bạc gồm: 01 bàn bê tông kích thước (54x30)cm; 02 ghế nhựa màu đỏ; 06 ghế xếp khung sắt, đan dây nhựa đều có kích thước (48x90)cm

- Thu giữ xung quang khu vực đánh bạc số tiền 2.000.0000 đồng; 34 lá bài tây đã qua sử dụng; 01 xe mô tô biển số 93F4-9750 của Nguyễn Văn D; 01 xe mô tô biển số: 48B1-304.40 của Huỳnh Ngọc Đ; 01 xe mô tô biển số: 93H7-6468 của Phạm Minh T.

- Thu giữ trên người các đối tượng:

- + Thu giữ trên người Nguyễn Thanh X số tiền 1.870.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng.

- + Thu giữ trên người Nguyễn Văn D số tiền 377.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia loại 110i.

- + Thu giữ trên người Huỳnh Ngọc Đ số tiền 300.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia 105.

- + Thu giữ trên người Nguyễn Chí T số tiền 465.000 đồng (trong quá trình bỏ chạy Thành làm rơi mất 5.000 đồng).

- + Thu giữ trên người Phạm Minh T số tiền 1.554.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia 105.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, Nguyễn T đến Công an huyện Phú Riềng đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm như trên, đồng thời giao nộp số tiền 965.000 đồng ngày 18/7/2017 giao nộp tiếp số tiền 165.000 đồng

Ngày 18/7/2017, Ngô Thùy D (vợ D) giao nộp 800.000 đồng; Trương Thị H (mẹ Trọng T) giao nộp 2.625.000 đồng, Nguyễn Thị T (em Nguyễn Tấn T) giao nộp 1.200.000 đồng, Huỳnh Thị Tố N (vợ H) giao nộp 2.150.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị can khai nhận hành vi đánh bạc như sau:

- Phạm Minh T mang theo số tiền 2.854.000 đồng sử dụng hết số tiền này vào mục đích đánh bạc đến khi bị bắt thua hết 1.300.000 đồng;

- Nguyễn T mang theo số tiền 1.238.000 đồng và dùng 8.000 đồng để mua bài còn 1.230.000 đồng dùng đánh bạc thì thua hết 100.000 đồng;

- Nguyễn Chí T mang theo số tiền 670.000 đồng sử dụng hết số tiền này vào mục đích đánh bạc và thua hết 200.000 đồng và bị mất 5.000 đồng;
- Nguyễn Văn D mang theo số tiền 477.000 đồng sử dụng hết số tiền này vào mục đích đánh bạc thì thua hết 100.000 đồng;
- Nguyễn Thanh X mang theo số tiền 2.270.000 đồng sử dụng hết số tiền này vào mục đích đánh bạc thì thua hết 400.000 đồng;
- Phạm Thái D mang theo số tiền 800.000 đồng sử dụng hết số tiền này vào mục đích đánh bạc. Trong quá trình đánh không thắng, không thua;
- Phạm Minh T mang theo số tiền 2.500.000 đồng sử dụng hết số tiền này vào mục đích đánh bạc thì thắng được 700.000. Tổng cộng 3.200.000 đồng, trong quá trình bỏ chạy bị mất 2.000.000 đồng;
- Huỳnh Tấn H mang theo số tiền 1.550.000 đồng sử dụng hết số tiền này vào mục đích đánh bạc thì thắng được 600.000 đồng. Tổng cộng 2.150.000 đồng;
- Nguyễn Trọng T mang theo 1.825.000 đồng sử dụng hết số tiền này vào mục đích đánh bạc thì thắng được 800.000 đồng. Tổng cộng 2.625.000 đồng;
- Huỳnh Ngọc Đ mang theo số tiền 300.000 đồng sử dụng hết số tiền này vào mục đích đánh bạc. Trong quá trình đánh không thắng, không thua;

Tổng cộng theo lời khai các bị can khai nhận dùng số tiền 14.476.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Nhưng thực chất thu trên chiếu bạc và các bị can giao nộp số tiền dùng để đánh bạc là 14.471.000 đồng;

Tại Bản cáo trạng số 54/CTr-VKS ngày 24 tháng 8 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước đã truy tố các bị cáo Nguyễn T, Nguyễn Thanh X, Nguyễn Văn D, Phạm Minh T, Nguyễn Chí T, Huỳnh Ngọc Đ, Nguyễn Trọng T, Huỳnh Tấn H, Phạm Thái D, Nguyễn Tấn T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như trên và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 45; Điều 53 và Điều 60 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn T mức án tù 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; các Điều 33; 45; Điều 53 Bộ luật hình sự: Xử phạt các bị cáo Nguyễn Thanh X, Huỳnh Ngọc Đ và Nguyễn Tấn T mức án tù 06 đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 45; Điều 53 và Điều 60 Bộ luật hình sự:

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn D, Phạm Minh T, Nguyễn Chí T, Phạm Thái D, Huỳnh Tấn H, Nguyễn Trọng T cùng mức án tù 06 đến 9 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách đối với mỗi bị cáo từ 12 đến 18 tháng.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp về thời gian và địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với tang vật của vụ án và những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở đó đã xác định được:

Ngày 29/3/2017, tại quán cà phê “ĐQ” của bà Nguyễn Thị Kim T tại thôn Bình H, xã B, huyện P, các bị cáo Nguyễn T, Nguyễn Thanh X, Nguyễn Văn D, Phạm Minh T, Nguyễn Chí T, Huỳnh Ngọc Đ, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Trọng T, Phạm Thái D và Huỳnh Tấn H, thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh bạc thắng thua bằng tiền. Các bị cáo đánh bạc từ khoảng 14 giờ đến khoảng 15 giờ thì bị lực lượng công an phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc xác định được là 14.476.000 đồng.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn T, Nguyễn Thanh X, Nguyễn Văn D, Phạm Minh T, Nguyễn Chí T, Huỳnh Ngọc Đ, Nguyễn Trọng T, Huỳnh Tấn H, Phạm Thái D, Nguyễn Tấn T đã thực hiện phạm tội “đánh bạc” tội phạm và hình phạt được quy định Điều 248 Bộ luật hình sự.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng tại địa phương. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với mục đích sát phạt lẫn nhau để thu lợi cho bản thân.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là những người quen biết nhau do sống cùng địa phương, khi gặp nhau tại quán nước, Nguyễn T nảy sinh ý định, khởi xướng và cùng các bị cáo còn lại thực hiện hành vi đánh bạc nhằm mục đích sát phạt nhau.

Trong đó, các bị cáo Nguyễn Thanh X, Nguyễn Tấn T là người có nhân thân xấu đều đã bị kết án về tội đánh bạc, tuy đã được xóa án tích (bị cáo Nguyễn Thanh X được xóa án tích theo quy định của Nghị Quyết 41/2017/ QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội) nhưng xét các bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật, không chịu sửa chữa sai lầm của bản thân mà lại tiếp tục phạm tội nên cần phải áp dụng hình phạt tù để giáo dục đối với các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thanh X, Nguyễn Tấn T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; số tiền dùng đánh bạc không lớn; gia đình các bị cáo có điều có hoàn cảnh khó khăn theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo còn lại gồm: Nguyễn T, Nguyễn Văn D, Phạm Minh T, Nguyễn Chí T, Huỳnh Ngọc Đ, Nguyễn Trọng T, Huỳnh Tấn H, Phạm Thái D cùng tham gia đánh bạc nên cần có mức án thỏa đáng phù hợp với tính chất, mức độ hành vi

phạm tội để giáo dục và phòng ngừa chung. Các bị cáo này được hưởng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo đều là những người lao động nhất thời phạm tội, số tiền dùng đánh bạc không lớn; nhân thân tốt, gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Các bị cáo Nguyễn T, Nguyễn Trọng T, Huỳnh Tấn H tự giác ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xét, bị cáo Phạm Thái D và Nguyễn Trọng T đã bị tạm giam trong quá trình điều tra, truy tố, thời gian tạm giam đối với bị cáo là tương xứng với mức độ hành vi phạm tội nên cần xử phạt các bị cáo mức án bằng thời hạn tạm giam là phù hợp.

Các bị cáo còn lại phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên cần tuyên hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo Nguyễn T, Phạm Minh T và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Chí T, Huỳnh Ngọc Đ, Nguyễn Trọng T, Huỳnh Tấn H, Phạm Thái D là phù hợp.

Hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, số tiền dùng vào việc đánh bạc không lớn, mức độ sát phạt nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là bị cáo phạt tiền đối với các bị cáo; không khấu trừ phần thu nhập đối với các bị cáo được tuyên hình phạt cải tạo không giam giữ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng pháp luật đối với các bị cáo là có căn cứ được HĐXX chấp nhận.

[3] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền thu giữ là 14.471.000 đồng các bị cáo dùng để đánh bạc cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 5.000 đồng Chí T làm rơi trong quá trình bỏ chạy, Chí T khai nhận sử dụng vào mục đích đánh bạc, tuy nhiên, do số tiền ít nên không cần thiết phải truy thu nên Hội đồng xét xử không xem xét

Đối với 34 lá bài tây đã qua sử dụng là vật dụng sử dụng vào mục đích đánh bạc đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 bàn bê tông; 02 ghế nhựa màu đỏ; 06 ghế xếp khung sắt là tài sản hợp pháp của bà bà T. Khi các bị can sử dụng vào mục đích đánh bạc thì bà T không biết nên Cơ quan Điều tra đã trả lại tài sản trên cho bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý lại.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Dream, biển số: 93F4- 9750 là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị L (mẹ D) Cơ quan Điều tra đã trả lại cho bà L nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý lại.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Jupiter, biển số 48B1-30.440 là tài sản chung của vợ chồng Đ. Điệp không liên quan đến việc đánh bạc nên Cơ quan Điều tra đã trả lại cho Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý lại.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Wave biển số 93H7-6468 mà Minh T sử dụng đến nơi đánh bạc là của ông Phạm Minh H. Cơ quan Điều tra đã trả lại cho ông H nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý lại.

Đối với 01 điện thoại di động OPPO của X, 01 điện thoại di động Nokia 100i của D, 01 điện thoại di động Nokia 105 của Đ, 01 điện thoại di động Nokia 105 của Minh T, trong quá trình điều tra chứng minh các điện thoại trên là tài sản riêng của X, D, Đ và Minh T không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Điều tra đã trả lại các tài sản trên cho các bị can X, Đ, Minh T, Danh nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý lại.

Đối 18 lá bài tây còn lại là vật dụng phạm tội. Quá khám nghiệm hiện trường không thu hồi được. Cơ quan Điều tra có ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng cũng không thu hồi được nên không đề cập vấn đề xử lý, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn T, Nguyễn Thanh X, Nguyễn Văn D, Phạm Minh T, Nguyễn Chí T, Huỳnh Ngọc Đ, Nguyễn Trọng T, Huỳnh Tấn H, Phạm Thái D, Nguyễn Tấn T** phạm tội “Đánh bạc”

Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 45; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị Quyết 41/2017/ QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh X** 05 (năm) tháng tù, được trừ thời gian tạm giam trước từ 30/3/2017 đến ngày 15/6/2017. Phần hình phạt còn lại bị cáo phải chấp hành. Hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 45; Điều 20 và Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn T** 05 (năm) tháng tù, được trừ thời gian tạm giam trước từ 07/6/2017 đến ngày 08/8/2017. Phần hình phạt còn lại bị cáo phải chấp hành. Hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 45; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo **Phạm Thái D** 03 (ba) tháng 20 ngày tù, được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 12/5/2017 đến ngày 01/9/2017. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trọng T** 03(ba) tháng tù, được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 07/6/2017 đến ngày 07/9/2017. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 45; Điều 20 và Điều 53, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo **Nguyễn T** 05 (năm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo **Phạm Minh T** 05 (năm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, Thời gian thử thách 12 tháng từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo **Nguyễn T, Phạm Minh T** về địa phương nơi cư trú quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 45; Điều 20 và Điều 53, Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Chí T** 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày (30/3/2017 đến 16/6/2017) là 02 tháng 17 ngày quy đổi bằng 7 tháng 21 ngày, còn lại 10 tháng 09 ngày bị cáo phải chấp hành. Thời hạn tính từ ngày chính quyền địa phương nhận được Quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Tấn H** 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày (07/6/2017 đến 08/8/2017) là 02 tháng 01 ngày quy đổi bằng 06 tháng 03 ngày Cải tạo không giam giữ, còn lại 11 tháng 27 ngày bị cáo phải chấp hành. Thời hạn tính từ ngày chính quyền địa phương nhận được Quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D** 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày (30/3/2017 đến 15/6/2017) là 02 tháng 16 ngày quy đổi bằng 7 tháng 18 ngày, còn lại 7 tháng 12 ngày bị cáo phải chấp hành. Thời hạn tính từ ngày chính quyền địa phương nhận được Quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Ngọc Đ** 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày (30/3/2017 đến 18/5/2017) là 01 tháng 18 ngày quy đổi bằng 04 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ, còn lại 10 tháng 06 ngày bị cáo phải chấp hành. Thời hạn tính từ ngày chính quyền địa phương nhận được Quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo **Nguyễn Chí T, Huỳnh Tấn H, Nguyễn Văn D, Huỳnh Ngọc Đ** về chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý giáo dục.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước đối với số tiền 14.471.000 đồng

Tuyên tịch thu tiêu hủy đối với 34 lá bài tây

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 20/12/2016 về án phí, lệ phí các bị cáo **Nguyễn T, Nguyễn Thanh X, Nguyễn Văn D, Phạm Minh T, Nguyễn Chí T, Huỳnh**

Ngọc Đ, Nguyễn Trọng T, Huỳnh Tấn H, Phạm Thái D, Nguyễn Tấn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Piềng;
- Chi cục THADS huyện Piềng;
- CA huyện Piềng;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Viết Hòa